

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA MÔN: TOÁN – Lớp 7

Ngày kiểm tra: 27/10/2018

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) – Mã đề: 170

Thí sinh làm bài bằng cách ghi lại thứ tự câu hỏi và phương án trả lời đúng (A; B; C hoặc D) của các câu hỏi theo mẫu sau Câu 1: A; Câu 2: C;

Câu 1: Nếu $a // b$ và $c \perp a$ thì

- A. $b // c$ B. $a \perp b$ C. $c \perp b$ D. $a // b$

Câu 2: Kết quả phép tính $(0,5)^6 : (0,5)^2$ được viết gọn dưới dạng lũy thừa là

- A. $(0,5)^3$ B. 1^4 C. $(0,5)^4$ D. 1^3

Câu 3: Từ đẳng thức $3.4 = 6.2$ ta có thể lập được tỉ lệ thức nào sau đây

- A. $\frac{3}{4} = \frac{2}{6}$ B. $\frac{3}{6} = \frac{2}{4}$ C. $\frac{3}{6} = \frac{4}{2}$ D. $\frac{3}{4} = \frac{6}{2}$

Câu 4: Phân số nào dưới đây biểu diễn được dưới dạng số thập phân hữu hạn?

- A. $\frac{7}{6}$ B. $\frac{5}{9}$ C. $\frac{7}{50}$ D. $\frac{6}{-14}$

Câu 5: Khi làm tròn số 8,3456 đến chữ số thập phân thứ hai ta được kết quả là

- A. $8,3456 \approx 8,345$ B. $8,3456 \approx 8,35$ C. $8,3456 \approx 8,346$ D. $8,3456 \approx 8,34$

Câu 6: Đường thẳng xy là đường trung trực của đoạn thẳng MN khi

- A. $xy // MN$ và $IM = IN$. B. $xy \perp MN$ tại I và $IM = IN$.
C. xy đi qua điểm I của MN . D. $xy \perp MN$.

Câu 7: Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

- A. $|2,6| = -2,6$ B. $|-2,6| = \pm 2,6$ C. $|-2,6| = -2,6$ D. $|-2,6| = 2,6$

Câu 8: Kết quả phép tính $\left(\frac{1}{7}\right)^2 \cdot \left(\frac{1}{7}\right)$ được viết gọn dưới dạng lũy thừa là

- A. $\left(\frac{1}{7}\right)^3$ B. 1 C. $\frac{1^2}{7}$ D. $\left(\frac{1}{7}\right)^2$

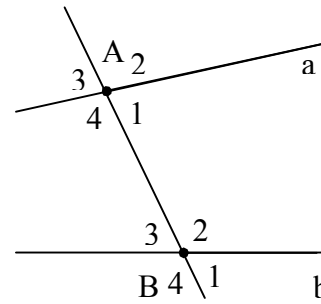
Câu 9: Giá trị của $\left(\frac{-1}{3}\right)^3$ là

- A. $\frac{1}{27}$ B. $\frac{-1}{9}$ C. $\frac{1}{9}$ D. $\frac{-1}{27}$

Câu 10: Nếu $a \perp c$ và $b \perp c$ thì

- A. $a // b$ B. $a // c$ C. $a \perp c$ D. $c // b$

Câu 11: Cho hình vẽ, hai góc so le trong là



A. \hat{A}_1 và \hat{B}_1

B. \hat{A}_3 và \hat{B}_3

C. \hat{A}_2 và \hat{B}_3

D. \hat{A}_1 và \hat{B}_3

Câu 12: Số hữu tỉ 0,5 được biểu diễn ở dạng phân số là

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{0}{5}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $-\frac{1}{2}$

II. TỰ LUẬN(7,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

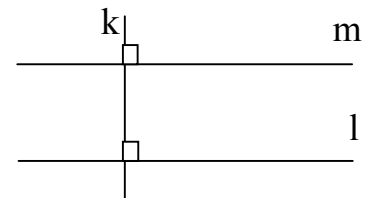
a) Thực hiện phép tính: $\frac{-6}{8} + \frac{13}{8}$

b) Tìm x trong tỉ lệ thức sau: $\frac{x}{15} = \frac{-4}{5}$

c) Tính giá trị của biểu thức sau: $\left(-\frac{1}{2} + \frac{3}{4}\right) \cdot \frac{4}{7} - \frac{3}{28}$

Câu 2. (1,0 điểm)

Em hãy viết giả thiết và kết luận của định lý được thể hiện bởi hình vẽ sau bằng ký hiệu.

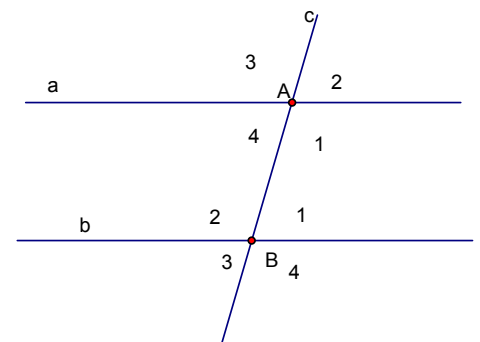


Câu 3. (2,0 điểm)

Cho hình vẽ, biết $\hat{A}_4 = \hat{B}_3 = 50^\circ$

a) Chứng minh $a // b$.

b) Tính số đo góc \hat{A}_2 , góc \hat{B}_2



Câu 4. (1,0 điểm)

Một miếng bìa hình tam giác có độ dài các cạnh tỉ lệ với 4; 5; 3 và chu vi của miếng bìa bằng 24 cm. Tính độ dài các cạnh của miếng bìa đó?

---Hết---

Lưu ý: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm./.

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA MÔN: TOÁN – Lớp 7

Ngày kiểm tra: 27/10/2018

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) – Mã đề: 246

Thí sinh làm bài bằng cách ghi lại thứ tự câu hỏi và phương án trả lời đúng (A; B; C hoặc D) của các câu hỏi theo mẫu sau Câu 1: A; Câu 2: C;

Câu 1: Nếu $a \perp c$ và $b \perp c$ thì

A. $a // b$

B. $a // c$

C. $a \perp c$

D. $c // b$

Câu 2: Giá trị của $\left(\frac{-1}{3}\right)^3$ là

A. $\frac{1}{27}$

B. $\frac{-1}{9}$

C. $\frac{1}{9}$

D. $\frac{-1}{27}$

Câu 3: Từ đẳng thức $3.4 = 6.2$ ta có thể lập được tỉ lệ thức nào sau đây

A. $\frac{3}{4} = \frac{6}{2}$

B. $\frac{3}{6} = \frac{2}{4}$

C. $\frac{3}{6} = \frac{4}{2}$

D. $\frac{3}{4} = \frac{2}{6}$

Câu 4: Nếu $a // b$ và $c \perp a$ thì

A. $a \perp b$

B. $b // c$

C. $c \perp b$

D. $a // b$

Câu 5: Kết quả phép tính $(0,5)^6 : (0,5)^2$ được viết gọn dưới dạng lũy thừa là

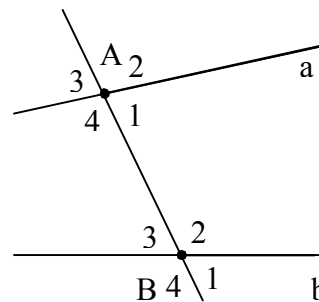
A. 1^4

B. $(0,5)^4$

C. $(0,5)^3$

D. 1^3

Câu 6: Cho hình vẽ, hai góc so le trong là



A. \hat{A}_1 và \hat{B}_1

B. \hat{A}_3 và \hat{B}_3

C. \hat{A}_2 và \hat{B}_3

D. \hat{A}_1 và \hat{B}_3

Câu 7: Kết quả phép tính $\left(\frac{1}{7}\right)^2 \cdot \left(\frac{1}{7}\right)$ được viết gọn dưới dạng lũy thừa là

A. $\left(\frac{1}{7}\right)^3$

B. 1

C. $\frac{1^2}{7}$

D. $\left(\frac{1}{7}\right)^2$

Câu 8: Số hữu tỉ 0,5 được biểu diễn ở dạng phân số là

A. $\frac{0}{5}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $-\frac{1}{2}$

Câu 9: Phân số nào dưới đây biểu diễn được dưới dạng số thập phân hữu hạn?

A. $\frac{5}{9}$

B. $\frac{7}{6}$

C. $\frac{7}{50}$

D. $\frac{6}{-14}$

Câu 10: Đường thẳng xy là đường trung trực của đoạn thẳng MN khi

A. $xy \parallel MN$ và $IM = IN$.B. xy đi qua điểm I của MN .C. $xy \perp MN$ tại I và $IM = IN$.D. $xy \perp MN$.

Câu 11: Khi làm tròn số $8,3456$ đến chữ số thập phân thứ hai ta được kết quả là

A. $8,3456 \approx 8,35$

B. $8,3456 \approx 8,34$

C. $8,3456 \approx 8,345$

D. $8,3456 \approx 8,346$

Câu 12: Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

A. $|2,6| = -2,6$

B. $|-2,6| = \pm 2,6$

C. $|-2,6| = -2,6$

D. $|-2,6| = 2,6$

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

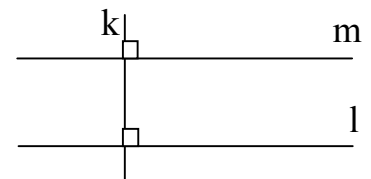
a) Thực hiện phép tính: $\frac{-6}{8} + \frac{13}{8}$

b) Tìm x trong tỉ lệ thức sau: $\frac{x}{15} = \frac{-4}{5}$

c) Tính giá trị của biểu thức sau: $\left(-\frac{1}{2} + \frac{3}{4}\right) \cdot \frac{4}{7} - \frac{3}{28}$

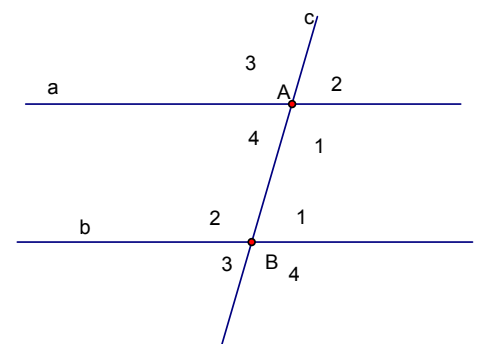
Câu 2. (1,0 điểm)

Em hãy viết giả thiết và kết luận của định lý được thể hiện bởi hình vẽ sau bằng ký hiệu.



Câu 3. (2,0 điểm)

Cho hình vẽ, biết $\hat{A}_4 = \hat{B}_3 = 50^\circ$

a) Chứng minh $a \parallel b$.b) Tính số đo góc \hat{A}_2 , góc \hat{B}_2 

Câu 4. (1,0 điểm)

Một miếng bìa hình tam giác có độ dài các cạnh tỉ lệ với 4; 5; 3 và chu vi của miếng bìa bằng 24 cm. Tính độ dài các cạnh của miếng bìa đó?

---Hết---

Lưu ý: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm./.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA MÔN: TOÁN – Lớp 7

Ngày kiểm tra: 27/10/2018

Hướng dẫn chấm gồm có: 03 trang.

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1) Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng, chính xác, chặt chẽ thì cho đủ số điểm của câu đó.

2) Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải bảo đảm không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm – mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
170	C	C	B	C	B	B	D	A	D	A	D	A
246	A	D	B	C	B	D	A	B	C	C	A	D

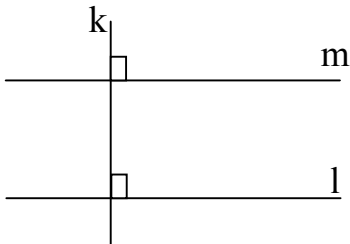
II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

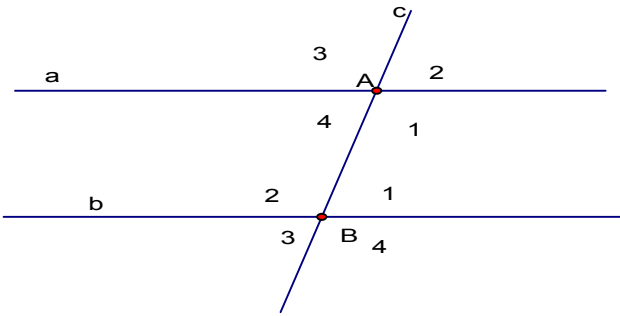
NỘI DUNG	ĐIỂM
a) $\frac{-6}{8} + \frac{13}{8}$	
$= \frac{-6+13}{8} = \frac{7}{8}$	0,5- 0,5
b) $\frac{x}{15} = \frac{-4}{5}$	
$x = \frac{15 \cdot (-4)}{5}$	0,5
$x = -12$	0,5
c) $\left(-\frac{1}{2} + \frac{3}{4}\right) \cdot \frac{4}{7} - \frac{3}{28}$	

NỘI DUNG	ĐIỂM
$= \frac{1}{4} \cdot \frac{4}{7} - \frac{3}{28}$	0,5
$= \frac{1}{7} - \frac{3}{28}$	0,25
$= \frac{1}{28}$	0,25

Câu 2. (1,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) <div style="text-align: center;">  </div>	
GT: $m \perp k; l \perp k$	0,25-0,25
KL: $m \parallel l$	0,5

Câu 3. (2,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
<div style="text-align: center;">  </div>	
a) Chứng minh $a \parallel b$	
Vì $\hat{A}_4 = \hat{B}_3 = 50^\circ$ (gt)	0,25
Mà $\hat{A}_4; \hat{B}_3$ là hai góc đồng vị	0,25
Nên $a \parallel b$	0,25
b) Tính \hat{A}_2 và \hat{B}_2	

NỘI DUNG	ĐIỂM
Vì \hat{A}_2 và \hat{A}_4 là hai góc đối đỉnh	0,25
Nên $\hat{A}_2 = \hat{A}_4 = 50^\circ$	0,25
Vì \hat{B}_2 và \hat{A}_4 là hai góc trong cùng phía	0,25
Nên $\hat{B}_2 = 180^\circ - \hat{A}_4 = 180^\circ - 50^\circ$	0,25
$\hat{B}_2 = 130^\circ$	0,25

Câu 4. (1,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
Gọi độ dài các cạnh của miếng bìa hình tam giác lần lượt là $x; y; z$ (cm)	0,25
Theo đề bài ta có: $\frac{x}{4} = \frac{y}{5} = \frac{z}{3}$ và $x + y + z = 24$	
Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:	
$\frac{x}{4} = \frac{y}{5} = \frac{z}{3} = \frac{x+y+z}{4+5+3} = \frac{24}{12} = 2$	0,25
Do đó: $x = 4.2 = 8; y = 5.2 = 10; z = 3.2 = 6$	0,25
Vậy độ dài các cạnh của miếng bìa hình tam giác lần lượt là: 8cm; 10cm; 6 cm	0,25

--- HẾT ---